

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2018/DS-ST
Ngày: 30-8-2018
V/v tranh chấp dân sự về hợp
đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Trang;
2. Bà Hồ Thị Mỹ Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Như, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 83/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2018 về “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2018/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị S, sinh năm 1990; cư trú tại: Số nhà ZZZ, tổ P, ấp S, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh, “Vắng mặt”.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1962; cư trú tại: Tổ X, ấp T, xã P, huyện B, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 06/4/2018), “Có mặt”.

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1976;
2. Ông Nguyễn Hữu G, sinh năm 1968;

Cùng cư trú tại: Tổ X, ấp T, xã P, huyện B, tỉnh Tây Ninh, “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 4 năm 2018 của nguyên đơn – chị Lê Thị S và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của chị S - bà Nguyễn Thị X trình bày:

Vào ngày 30/01/2014 âm lịch tức ngày 01/3/2014 dương lịch chị S có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Hữu G vay số tiền 20.000.000 đồng, khi vay bà Đ và ông G có làm giấy nợ lại cho chị S và thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, thời hạn trả nợ là 3 năm nhưng chỉ thỏa thuận bên ngoài không ghi vào giấy nợ. Kể từ ngày vay bà Đ và ông G có đóng lãi cho chị S được 2 tháng nhưng không đủ và cũng không làm giấy tờ gì lại nên chị S không nhớ là đã nhận bao nhiêu tiền lãi từ vợ chồng bà Đ. Tuy nhiên đã qua thời hạn trả nợ nhưng bà Đ, ông G không trả nợ cho chị S, mặc dù chị S đã đòi nhiều lần. Nay chị S khởi kiện yêu cầu bà Đ và ông G có nghĩa vụ hoàn trả số tiền vay 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, chị S không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 11 tháng 5 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Vào ngày 30/01/2014 âm lịch bà và chồng bà là ông Nguyễn Hữu G có vay của chị Lê Thị S số tiền 20.000.000 đồng, bà và ông G có viết lại giấy nợ cho chị S, khi vay thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng và tiền gốc khi nào có tiền bà và ông G sẽ trả lại cho chị S nhưng chỉ thỏa thuận bên ngoài không ghi vào trong giấy nợ. Kể từ ngày vay bà và ông G đóng lãi đầy đủ hàng tháng cho chị S đến tháng 11/2017 thì bà và ông G ngưng đóng lãi cho tới nay, số tiền lãi bà và ông G đóng cho chị S bà gửi cho bà Nguyễn Thị X là mẹ của chị S, tuy nhiên số tiền lãi đã đóng cho chị S bao nhiêu bà không nhớ và cũng không có làm giấy tờ lại, bà cũng không có chứng minh gì chứng minh nên bà không yêu cầu tính lại tiền lãi. Nay chị S yêu cầu bà và ông G hoàn trả số tiền vay 20.000.000 đồng, do đây là nợ chung của bà và ông G nên bà đồng ý cùng ông G hoàn trả cho chị S số tiền vay 20.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/6/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn - ông Nguyễn Hữu G trình bày:

Vào ngày 30/01/2014 âm lịch ông và vợ ông là bà Nguyễn Thị Đ có vay của chị Lê Thị S số tiền 20.000.000 đồng, ông và bà Đ có viết lại giấy nợ cho chị S. Thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng nhưng là thỏa thuận bên ngoài không ghi vào trong giấy nợ. Kể từ ngày vay bà Đ vợ ông có đóng lãi đầy đủ hàng tháng cho chị S đến tháng 11/2017 thì ông và bà Đ ngưng đóng lãi cho đến nay, số tiền lãi hàng tháng bà Đ gửi cho bà Nguyễn Thị X là mẹ chị S, tuy nhiên số tiền lãi đã đóng bao nhiêu ông và bà Đ không nhớ và không làm giấy tờ ghi lại cũng không có chứng cứ gì chứng minh nên ông không yêu cầu tính lại tiền lãi. Do đây là nợ chung của ông và bà Đ nên ông đồng ý cùng bà Đ hoàn trả cho chị S số tiền vay 20.000.00 đồng.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà Đ, ông G vắng mặt.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị S buộc bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Hữu G có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Lê Thị S số tiền vay 20.000.000 đồng. Ghi nhận chị S không yêu cầu tính tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Hữu G có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ, ông G.

[2] Thời hiệu khởi kiện: Do giao dịch phát sinh từ ngày 30/01/2014 đến ngày 04/4/2018 chị Lê Thị S khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Hữu G nên căn cứ vào Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 688 Bộ luật Dân sự xác định thời hiệu vẫn còn.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét hợp đồng vay tài sản giữa chị Lê Thị S và vợ chồng bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Hữu G với số tiền vay 20.000.000 đồng là có thật được thể hiện qua giấy mượn tiền ngày 30/01/2014 do bà Đ và ông G ký tên vào giấy mượn tiền và các bên thừa nhận, bà Đ và ông G đồng ý trả cho chị S số tiền vay 20.000.000 đồng đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại khoản 2, Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Kể từ ngày vay bà Đ và ông chưa trả được số tiền gốc nào cho chị S, bà Đ và ông G cho rằng hàng tháng ông bà đóng lãi cho bà Nguyễn Thị X là mẹ chị S nhiều lần nhưng không nhớ số tiền lãi đã đóng là bao nhiêu và cũng không có chứng cứ gì chứng minh nên ông G và bà Đ không yêu cầu tính lại tiền lãi đã đóng cho chị S. Xét yêu cầu khởi kiện của chị S là có căn cứ cần chấp nhận nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 buộc vợ chồng bà Đ và ông G có nghĩa vụ hoàn trả cho chị S số tiền vay 20.000.000 đồng. Ghi nhận chị Lê Thị S không yêu cầu tính lãi.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Hữu G phải chịu 1.000.000 (một triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của

chị Lê Thị S được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị S về “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản”.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Hữu G có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Lê Thị S số tiền vay 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Ghi nhận chị Lê Thị S không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày chị Lê Thị S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Hữu G không trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bà Đ, ông G còn phải trả cho chị S số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Hữu G phải chịu 1.000.000 (một triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Lê Thị S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị Lê Thị S 500.000 (năm trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005156 ngày 10/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm. Đối với các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV.TAT (1);
- VKS huyện Tân Biên (2);
- Chi cục THADS huyện Tân Biên (1);
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ (N³).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Nam

